

Bản án số: 401/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/4/2024  
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Ông Lê Văn Rồi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:  
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1318/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số G, đường T, Tổ F, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thành N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số G, đường T, Tổ F, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn xin ly hôn ngày 19/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu K trình bày:

Bà với ông Lê Thành N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 5 ngày 13/01/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông N.

- Về con chung có 01 trẻ tên là **Lê Nguyễn Duy A**, sinh ngày 16/10/2010, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà không yêu cầu ông **N** cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Do ông **N** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông **N** vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Bà **K** vẫn giữ yêu cầu được ly hôn ông **N**; về con chung bà **K** thay đổi yêu cầu, do trẻ **A** có nguyện vọng sống với ông **N** nên bà đề nghị ông **N** sẽ trực tiếp nuôi con, bà không cấp dưỡng cho con; ông **N** vắng mặt nên không có ý kiến.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn ông **Lê Thành N** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **N**.

\* Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thu K** với ông **Lê Thành N** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 5 ngày 13/01/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà **Nguyễn Thị Thu K** xin ly hôn ông **Lê Thành N**:

Ông **N** không quan tâm, thương yêu bà **K**, ông **N** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến thể hiện ông **N** không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **K**, cho bà **K** được ly hôn ông **N**.

[5] Về con chung có 01 trẻ tên là **Lê Nguyễn Duy A**, sinh ngày 16/10/2010.

Xét bà **K** yêu cầu ông **N** trực tiếp nuôi trẻ **A**, bà **K** không cấp dưỡng cho con: Trẻ **A** đang do ông **N** trực tiếp nuôi và trẻ **A** có nguyện vọng sống chung ông **N**, Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **K**. Nếu ông **N** có yêu cầu gì về việc nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà **K** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bà **K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thu K.**

1. Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thu K** được ly hôn ông **Lê Thành N.**

2. Về con chung có 01 trẻ tên **Lê Nguyễn Duy A**, sinh ngày 16/10/2010. Ông **Lê Thành N** trực tiếp nuôi trẻ **Lê Nguyễn Duy A**. Bà **K** không cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **Nguyễn Thị Thu K** phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2023/0018617 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà **K** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã Trung An, H. Củ Chi (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Thắm**